TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 503/2021/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 15 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 452/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Minh H, sinh năm 1987

Địa chỉ: 166 Phan Bội C, phường T, thành phố H;

- Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: 77/44/11 Thiên T, phường A, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Minh H và anh Võ Văn T (chị H, anh T đăng ký kết hôn ngày 30/3/2006, số 27, quyển 01/2006 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu Võ Lê Thiện K, sinh ngày 15/02/2006, cháu Võ Lê Quỳnh N, sinh ngày 06/02/2009, cháu Võ Lê Thiện P, sinh ngày 02/7/2013. Hai bên thỏa thuận giao cả 03 cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 500.000đ/tháng/1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì

hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

+ Án phí ly hôn: Chị H tự nguyện chịu 150.000đ.

+ Án phí cấp dưỡng: Chị H tự nguyện chịu 150.000đ.

Được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/00561 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND T, H;
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú